TRƯỜNG THPT VÕ NGUYÊN GIÁP
TỔ: NGỮ VĂN

KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn: Ngữ văn khối 10
(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4.0**
	1	- Nhân vật trung tâm của đoạn trích là nhân vật Thị Kính. - Các chỉ dẫn sân khấu: + Thị Kính: *(Ngồi quạt cho chồng)* +Thiện Sĩ: *(giật mình)* *+(Ông Sùng, bà Sùng chạy ra)* + Bà Sùng: *(Nói với ông Sùng), (Với Thiện Sĩ):*	0,5
	2	Qua đoạn trích, tác giả dân gian gián tiếp bày tỏ thái độ đối với Thị Kính: Sự đồng cảm, thương xót, trân trọng và ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn của Thị Kính.	0,5
	3	Qua đoạn trích ta thấy, Thị Kính là một người vợ hiền, đảm đang, một người dâu thảo. Nàng hết mực chăm lo cho gia đình, lo lắng chăm sóc cho chồng để chồng được thảnh thơi ăn học, dùi mài kinh sử. Thị Kính là hiện thân cho vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: Công, dung, ngôn, hạnh.	1,0
	4	Qua những lời thoại của Thiện Sĩ với cha mẹ, ta thấy đây là một con người có nhân cách thấp hèn: Anh ta không tin tưởng chính cả đối với người vợ đã vì anh ta mà thức khuya dậy sớm, làm lụng vất vả để cho anh ta ăn học. Anh ta cũng tỏ ra là một con người nhu nhược, thiếu chính kiến, chỉ biết nghe theo mọi lời của mẹ mà không hề có một lời bênh vực cho vợ, cũng không hề phản kháng trước mọi quyết định của Sùng Bà. Nhân vật Thiện Sĩ đại diện cho xã hội nam quyền độc đoán với tư tưởng trọng nam, khinh nữ thời phong kiến.	1,0
	5	Nỗi oan mà Thị Kính mắc phải là một nỗi oan oái ăm, chua xót: Chỉ vì nàng quá thương chồng, quan tâm chăm sóc cho chồng mà bị vu cho có ý định giết chồng. Nỗi oan này của Thị Kính cho ta thấy được thân phận nhỏ bé, lệ thuộc của người phụ nữ, nhất là phụ nữ nhà nghèo trong xã hội phong kiến. Nỗi oan này khơi dậy trong ta lòng thương xót, đồng cảm với Thị Kính nói riêng và những người phụ nữ trong xã hội xưa nói chung.	1,0
II	**VIẾT**		**6.0**
	1	**Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nghĩ của anh/chị về nhân vật Thị Mầu trong đoạn trích *Thị Mầu lên chùa* (Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*).**	**2.0**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cảm nghĩ của anh/chị về nhân vật Thị Mầu trong đoạn trích *Thị Mầu lên chùa*	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: * Trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:	0,5

		- Mở đoạn: Giới thiệu về nhân vật Thị Mầu trong đoạn trích *Thị Mầu lên chùa* **- Thân đoạn:** Nêu cảm nghĩ của anh/chị về nhân vật Thị Mầu: + Nhân vật Thị Mầu tuy được xây dựng là vai nữ lệch, nhân vật phản diện vốn tính lẳng lơ (lên chùa đi lễ thấy chú tiểu đẹp thì mê, mà mê thì ghẹo, mà ghẹo thì ghẹo tới nơi tới chốn). Nhưng tác giả dân gian vẫn dành cho nhân vật niềm cảm thương, đồng cảm với khát vọng yêu đương tự do - quyền chính đáng của con người, trong đó có người phụ nữ. + Trong đoạn trích *Thị Mầu lên chùa*, Thị Mầu đã dám đi ngược lại quan điểm lễ giáo phong kiến, đã chủ động "cọc đi tìm trâu", dám dũng cảm tỏ bày tình cảm của mình, khao khát được mong đáp lại. Đã không có "xiềng xích" nào "khóa nổi" trái tim nổi loạn của Thị Mầu. Chính sự nổi loạn bất chấp "xiềng xích được sơn phết màu đạo đức" đã góp phần làm cho Thị mầu sống mãi tới ngày nay. **- Kết đoạn:** Khẳng định vai trò của nhân vật Thị Mầu trong Văn học.	
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ những suy nghĩ, cảm nhận và đánh giá xác đáng về nhân vật. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	0,5
		e. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		g. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0,25
	2	**Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để thuyết phục người khác từ bỏ thái độ sống thờ ơ, vô cảm.**	**4.0**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận xã hội (Bài nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen, một quan niệm).	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Thuyết phục mọi người từ bỏ thái độ sống thờ ơ, vô cảm.	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Xác định được hệ thống luận điểm, luận cứ của bài viết - Sắp xếp hệ trống luận điểm, luận cứ theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. ***1. Mở bài:*** - Giới thiệu được vấn đề nghị luận: thái độ sống thờ ơ, vô cảm của một bộ phận giới trẻ hiện nay. - Nêu vấn đề: thái độ sống thờ ơ, vô cảm cần phải được thay đổi và loại bỏ. ***2. Thân bài:*** Triển khai vấn đề cần nghị luận: **** Giải thích về thái độ sống thờ ơ, vô cảm:*** - Thờ ơ, vô cảm chính là sự trơ lì cảm xúc, dửng dưng, thờ ơ, "máu lạnh" với những hiện tượng đời sống xung quanh, chỉ quan tâm đến quyền lợi của bản	1,0

		thân. Ra đường gặp cái đẹp không mảy may rung động; gặp cái tốt không ủng hộ; thấy cái xấu, cái ác không dám lên án, không dám chống lại… - Vô cảm là một trong những căn bệnh "ung thư tâm hồn" của một bộ phận người trong xã hội. Hiện tượng sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân, gia đình và cộng đồng trong thế hệ trẻ hiện nay là biểu hiện tiêu cực trong đời sống của giới trẻ – những chủ nhân tương lai của đất nước. Hiện tượng này thu hút mối quan tâm và gây ra nhiều bức xúc cho xã hội. **** Biểu hiện của thái độ sống thờ ơ, vô cảm:*** - Biểu hiện rõ nhất của người có lối sống vô cảm đó là hành động ích kỉ, không quan tâm đến mọi người xung quanh, thờ ơ trước mọi nỗi đau của xã hội, thậm chí thờ ơ với chính người thân và bản thân của mình. Gia đình mình cần sự trợ giúp, chia sẻ thì mình lại bơ đi không quan tâm đến, hay khi đi qua một bông hoa mình lại thờ ơ trước vẻ đẹp, khi thấy một người đi đường bị đau thì lại bỏ qua và tỏ thái độ không quan tâm... - Tự cô lập bản thân, tách biệt mình khỏi xã hội với những suy nghĩ tiêu cực, ích kỉ. ****Nguyên nhân của thái độ sống thờ ơ, vô cảm:*** + Có thể những người vô cảm do họ bị ngoại cảnh tác động, hoặc bị cái xấu hãm hại nên mất niềm tin vào cuộc sống. + Do lối sống thực dụng, hưởng thụ… khiến người ta thấy cuộc sống đơn điệu, vô nghĩa dẫn đến những cảm xúc đạo đức bị hạn chế thậm chí bị triệt tiêu. + Xã hội phát triển, nhiều các loại hình vui chơi giải trí. Nền kinh tế thị trường khiến con người coi trọng vật chất, sống thực dụng hơn. + Do phụ huynh nuông chiều con cái…dẫn đến sự ích kỉ… mất kết nối với cuộc sống xung quanh. + Nhà trường, xã hội chưa có các biện pháp quản lí, giáo dục thích hợp ****Tác hại của thái độ sống thờ ơ, vô cảm*** + Con người trở thành kẻ ích kỉ, vô trách nhiệm, vô lương tâm, chỉ biết sống cho mình mà không quan tâm đến người thân và những người xung quanh. + Không biết cảm thông, chia sẻ, yêu thương với những cảnh ngộ bất hạnh trong cuộc đời. + Bị xã hội coi thường, bị mọi người xa lánh. ****Giải pháp để từ bỏ thái độ sống thờ ơ, vô cảm*** + Bạn cần xác định lí tưởng sống, mục đích sống đúng đắn, sống tử tế với người thân và mọi người xung quanh. Sống trong đời sống cần có tình yêu thương, biết quan tâm chia sẻ với người thân, với cộng đồng; không nên sống thờ ơ, vô cảm, ích kỉ + Mọi suy nghĩ, hành động, lời nói của bạn đều phải xuất phát từ lòng nhân ái. + Bạn hãy làm giàu tâm hồn bằng các tác phẩm văn chương nghệ thuật hoặc tích cực tham gia vào những phong trào, những hoạt động mang ý nghĩa xã hội rộng lớn… Chỉ cần có một tâm hồn cởi mở và một trái tim nhân hậu, biết thương người như thể thương thân là bạn sẽ chữa dứt được "bệnh vô cảm" đáng ghét và đáng phê phán ấy. + Bạn hãy sống đúng với chuẩn mực đạo đức của con người trong xã hội, biết yêu thương đùm bọc và chia sẻ lẫn nhau…	

		3. Kết bài - Khẳng định lại vấn đề: Thái độ sống thờ ơ, vô cảm là một thái độ xấu và cần được bạn xóa bỏ để phát triển, cải thiện hay thay đổi bản thân. Đừng để lối sống thờ ơ, vô cảm trở thành vật cản con đường của hành trình đến với thành công của bạn. - Rút ra bài học cho bản thân: Là một người học sinh, bạn nên hiểu đúng về thái độ sống thờ ơ, vô cảm, biết xác định đúng nhiệm vụ học tập và tu dưỡng đạo đức, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Bạn cần chia sẻ những gì mình có thể cho những cuộc đời bất hạnh quanh ta để trái tim và cuộc sống này tràn ngập yêu thương; cố gắng ra sức chống bệnh vô cảm qua việc làm, học tập hằng ngày của bạn … và tuyên truyền giúp đỡ mọi người cùng làm theo.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai ít nhất được ba luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. ***Lưu ý:*** *HS có thể trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*	1,5
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10.0**

.....Hết.....

TRƯỜNG THPT VÕ NGUYÊN GIÁP
TỔ NGỮ VĂN

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Ngữ Văn, Lớp 11

Phần	Nội dung	Điểm
I	**ĐỌC HIỂU**	**4.0**
Câu 1	Ngôi thứ ba	0.5
Câu 2	Linh hoạt điểm nhìn (khi của người dân trong làng đạo, khi của chính anh cu Lộ).	0.5
Câu 3	Là con một ông quan viên tử tế, hẳn hoi.	1.0
Câu 4	Xác định mạch kể của truyện: - Tác giả bắt đầu từ những việc làm của anh cu Lộ mang đầy đủ bản chất xấu xa, tham lam của một mõ làng. - Tiếp đó, tác giả kể về nguyên nhân anh ta từ một nông dân hiền lành trở thành một anh mõ làng. - Phần phía sau của truyện, tác giả phân tích quá trình anh ta thích ứng, hình thành, hoàn thiện và phát triển tư cách mõ. *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời được 1 ý: 0.5 điểm* *- Trả lời được 2 ý trở lên: 1.0 điểm* *HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	1.0
Câu 5	Phân tích nguyên nhân hình thành tư cách mõ của anh cu Lộ: • Anh cu Lộ xuất thân tử tế, bản chất lương thiện, lành hiền, làm mõ cũng là do vị nể. • Chính cái nhìn định kiến đầy cay nghiệt của mọi người đối với người làm mõ đã biến anh cu Lộ từ lương thiện, lành hiền đến chỗ xấu hổ, e ngại, nhưng mọi người vẫn quyết không buông tha khiến anh nảy sinh tâm lí trả thù và từ đó mất dần liêm sỉ, nhân cách và dần hình thành, phát triển tư cách mõ. *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời được 1 ý: 0.5 điểm* *- Trả lời được như đáp án: 1.0 điểm* *HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	1.0
II	**VIẾT**	**6.0**
Câu 1	**Anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nêu nhận xét về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn Nam Cao trong đoạn trích *Tư cách mõ*.**	**2.0**
	a. Đảm bảo về hình thức đoạn văn: Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo một cách hoặc kết hợp các cách diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành, tổng-phần-hợp; đảm bảo yêu cầu về cấu trúc đoạn văn.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Suy nghĩ về nghệ thuật kể chuyện trong *Tư cách mõ* của Nam Cao.	0.25
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận:	1.0

	Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, triển khai vấn đề theo nhiều cách để làm rõ nghệ thuật kể chuyện trong *Tư cách mõ* của Nam Cao. Có thể triển khai theo hướng: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Ngôi kể thứ ba: Thể hiện cái nhìn công tâm, tác giả thể hiện sự công bằng trong việc đánh giá nhân vật. - Nghệ thuật xây dựng tâm lý nhân vật: + Nam Cao nổi tiếng với sự chuyển biến trong nhận thức và tính cách của các nhân vật. Trong tác phẩm " Tư cách mõ", anh cu Lộ vốn hiền lành, chăm chỉ, không cờ bạc, rượu chè, ăn ở phân minh, được nhiều người quý mến. Vậy mà, do sức ép của cuộc sống mưu sinh, lóa mắt bởi món lợi mấy sào vườn, thêm nữa bị mọi người xúm vào thuyết phục, + Lộ nhận lời làm mõ. Thấy Lộ làm mõ ngon ăn quá, người ta ngấm ngầm ghen rồi hùa nhau vào làm nhục hắn. trước phản ứng của người đời, Lộ dần dần bị tha hóa. - Ngôn từ giản dị nhưng lại sâu cay => châm biếm xã hội thời bấy giờ. - Khẳng định giá trị của tác phẩm.	
	d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc có ý tưởng riêng phù hợp với vấn đề nghị luận; có cách lập luận, diễn đạt mới mẻ.	0.25
Câu 2	**Từ đoạn trích "Tư cách mõ" của nhà văn Nam Cao ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận bàn về tác hại của định kiến xã hội.**	**4.0**
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài giới thiệu khái quát về vấn đề nghị luận; Thân bài thực hiện các yêu cầu của đề bài; Kết bài khẳng định vấn đề nghị luận.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: **Từ đoạn trích ở phần đọc hiểu bàn về tác hại của định kiến xã hội.**	0.25
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận: Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	1. Mở bài Dẫn dắt và nêu vấn đề cần bàn luận: Tác hại của định kiến xã hội. **Hướng dẫn chấm:** *- Giới thiệu vấn đề nghị luận: 0.25 điểm* *- Giới thiệu câu nói: 0.25 điểm*	0.5
	2. Thân bài ***Tác hại của định kiến thể hiện trong đoạn trích "Tư cách mõ" (Nam Cao):**	2.0

	+ Nhân vật anh cu Lộ vốn là một người hiền lành, chất phác, làm nghề mõ làng. + Khi anh cu Lộ làm mõ làng, có sự thay đổi trong nhận thức của làng xóm: từ yêu mến chuyển sang ganh ghét, đố kỵ và dè bỉu. Từ chỗ nhờ vả anh ra làm mõ → coi thường anh chỉ là mõ làng – hạng thấp kém nhất trong làng. + Sự thay đổi trong tính cách của anh Lộ: từ hiền lành trở nên tha hóa, " mõ chính chuyên", cũng đê tiện, cũng lầy là, cũng tham ăn giống như định kiến của dân làng về nghề mõ: "tham như mõ". + Chính định kiến hẹp hòi của dân làng, coi thường những người làm mõ, coi mõ là kẻ tham lam đã khiến Lộ làm như những gì họ đã đặt điều về anh: "*Đã vậy thì hắn tham cho mà biết*!". Rồi Lộ đã dần tha hóa, tách rời hẳn với xã hội, với những chuẩn mực đạo đức mà từ trước tới giờ anh vẫn luôn theo đuổi, đi ngược lại với nhân cách của bản thân mình ban đầu, trở thành một tay mõ chính chuyên. + Nam Cao đã đặt ra vấn đề về bi kịch tha hóa của con người nhiều khi xuất phát từ chính những định kiến của xã hội: "*Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người là một cách rất diệu để khiến người sinh đê tiện…"* *** Tác hại của định kiến trong cuộc sống:** **- Biểu hiện của định kiến:** **+** Định kiến là những ý kiến, góc nhìn, quan điểm không tốt, phiến diện của con người về một sự việc, sự vật hoặc một người nào khác mà họ cho là quan điểm của họ đã thuận theo lẽ tự nhiên còn người khác là sai. + Định kiến tồn tại ở nhiều khía cạnh khác nhau như: phân biệt màu da, giới tính, tầng lớp xã hội, quan điểm chính trị,… **- Tác hại của định kiến trong cuộc sống:** **+** Định kiến xã hội sẽ hình thành quan niệm sai lầm ở nhiều người, có khi ở nhiều thế hệ; + Định kiến khiến cho con người trở nên vô cảm, gây ra tổn thương sâu sắc cho những người phải nhận về mình những định kiến; + Những định kiến cùng lối sống ích kỉ của nhiều người đẩy người khác vào sự tha hóa, cô đơn,… + Định kiến xã hội cản trở việc xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh; khiến cho xã hội bị trì trệ, khó phát triển. **Hướng dẫn chấm:** *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm* *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,25 điểm - 1,75 điểm.* *- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm*	
	3. Kết bài - Khẳng định lại ý nghĩa của vấn đề. - Đưa ra thông điệp. **Hướng dẫn chấm:** *- Đáp ứng được yêu cầu: 0,5 điểm.* *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*	0.5
	d. Chính tả, ngữ pháp	0.25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **Hướng dẫn chấm:** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.*	
	e. Sáng tạo Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. **Hướng dẫn chấm:** *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.*	0.25
Tổng		**10.0**

……Hết……..

TRƯỜNG THPT VÕ NGUYÊN GIÁP
TỔ NGỮ VĂN

KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2024 – 2025
ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn: Ngữ văn khối 12
(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		**ĐỌC HIỂU**	**4.0**
	1	Nhân vật "tôi" trong văn bản là: - Người con bỏ quê đi xa nhưng vẫn luôn nhớ hình bóng quê nhà. - Nhân vật trữ tình của bài thơ.	0,5
	2	Các biện pháp tu từ trong đoạn thơ là: - Điệp từ (*quê hương*); - Liệt kê (*con đường, cổng tò vò, tiếng cổng gỗ*); - Nhân hóa (*tiếng cổng gỗ nặng nhọc*)	0,5
	3	Nhân vật trữ tình bức bối mà bỏ làng ra đi: - Vì nếp sống làng quê đơn điệu, nhàm tẻ, lặp đi lặp lại. - Vì cuộc sống làng quê nghèo nàn. - Vì cuộc sống thôn quê quẩn quanh không thỏa mãn những khao khát bứt phá của nhân vật trữ tình,...	1,0
	4	- Những hình ảnh hiện lên trong nỗi nhớ quê của nhân vật trữ tình: *góc sân rêu mốc, mái ngói mưa dột, dây phơi, góc phản, chiếc điếu bát lặng yên, tiếng con thạch sùng lạnh sắc.* - Tấm lòng của người con xa quê: + Nhớ quê là nhớ những gì chân chất, mộc mạc, nghèo nàn nhưng cũng hết sức gần gũi, thân thuộc. + Nỗi nhớ quê chân thành, tha thiết, luôn thường trực, dù nơi đó nghèo khó. + Hòa trong nỗi nhớ quê là sự xót xa, là tấm lòng người con luôn quặn thắt, đau đáu nỗi thương cha nhớ mẹ,...	1,0
	5	- HS bày tỏ quan điểm: đồng tình/ không đồng tình hoặc cả hai. - HS lí giải quan điểm hợp lí, thuyết phục. Chẳng hạn: - Em có đồng tình với quan điểm cho rằng: *Dù đi đâu, ai cũng mang theo quê hương của mình*. - Vì: + Quê hương là nguồn năng lượng tái tạo, nuôi dưỡng cả thể xác lẫn tâm hồn của mỗi con người. + Quê hương dạy cho con người về tình yêu thương và sự gắn bó, nơi ấy có gia đình, bố mẹ, bạn bè và những người xung quanh. + Quê hương đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nhân cách, lối sống và bản sắc độc đáo của mỗi cá nhân.	1,0

		+ Quê hương là nguồn động viên tinh thần giúp chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức trong cuộc sống. + Quê hương là nền tảng tinh thần vững chắc, kích thích sự nảy mầm và chắp cánh cho ước mơ. Nơi nào có quê hương nơi đó có con người. *Dù đi đâu, ai cũng mang theo quê hương của mình*.	
II	**VIẾT**		**6.0**
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về một vẻ đẹp của bài thơ *Lá xanh* của Nguyễn Sĩ Đại.	**2.0**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Một vẻ đẹp của bài thơ *Lá xanh* của Nguyễn Sĩ Đại.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: *Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giới thiệu khái quát về tác giả, bài thơ "Lá xanh" của Nguyễn Sĩ Đại. - Bày tỏ quan điểm: Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện qua quan điểm sống của nhân vật trữ tình: "ta". + Tác giả đặt ra một đối lập giữa *"người"*, *"kẻ"* với *"ta"*: Nếu *"người"* và *"kẻ"* (chỉ những người khác) đều muốn làm những việc lớn lao là *"vá trời lấp bể", "đắp lũy xây thành"*- cách nói khoa trương để chỉ những ước muốn to lớn, thậm chí phi thường của con người… Thì *"ta"* – chỉ đơn giản ý thức một cách khiêm tốn và thực tế *"chỉ là chiếc lá"* bé nhỏ. + Trong cách nói của *"ta": "chỉ là chiếc lá"* có sự phân biệt giữa bản thân và người khác: *"chỉ là"* – một sự tự nhận thức về bản thân đúng mức, không ồn ào, không ảo tưởng hay huyễn hoặc về mình. Nhưng dù *"chỉ là chiếc lá"*, bản thân *"ta"* vẫn ý thức được *"việc của mình là xanh"*, như một lẽ tất yếu trong cuộc đời: *chim phải hót* và *lá phải xanh.* → Bài thơ thể hiện quan điểm của tác giả, là ý thức về cái tôi cá nhân, dù chỉ là một cá thể nhỏ bé, không có những mơ ước phi thường, cũng vẫn phải ý thức được ý nghĩa sự sống của mình trong cuộc đời: là cống hiến. - Quan niệm sống của nhân vật trữ tình trong bài thơ góp phần lan tỏa lối sống đẹp cho độc giả: cống hiến theo khả năng của mình. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận: một vẻ đẹp của bài thơ "Lá xanh" của Nguyễn Sĩ Đại.	0,5

		- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và bằng chứng	
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	***Điều cần thiết nhất của tuổi trẻ hiện nay: thấu hiểu người khác hay thấu hiểu chính mình?*** Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để trả lời câu hỏi trên.	**4.0**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Bài nghị luận xã hội	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: "Tôi ưa nói, ưa tranh luận, nhưng khi tôi 17 tuổi nếu tôi giơ tay phát biểu trước lớp về một vấn đề không đồng ý với quan điểm của thầy cô, tôi bị dòm ngó, tẩy chay, cười mỉa...Hình như ở Việt Nam, người ta rất khó chấp nhận chuyện người nhỏ hơn mình "sửa sai" hay tranh luận thẳng thắn với người lớn."	0,5
		*** Luận điểm 1: Giải thích/Nêu bản chất của hiện tượng** *** Luận điểm 1: Giải thích/Nêu bản chất của hiện tượng** - Ý kiến trên nêu lên một thực tế khá phổ biến trong xã hội Việt Nam: những người trẻ tuổi có tư duy độc lập, khi vượt qua rào cản tuổi tác có chủ kiến cá nhân thường phải đối mặt với cái nhìn và đánh giá mang tính định kiến của cộng đồng xã hội. - Hiện tượng trên đặt ra cho mỗi bạn trẻ nhiều vấn đề cần suy nghĩ. *** Luận điểm 2. Bàn luận vấn đề** - Lí giải nguyên nhân dẫn đến hiện tượng: Xã hội Việt Nam vốn có truyền thống "kính lão đắc thọ", người trẻ tuổi phải luôn lắng nghe và tôn trọng người lớn tuổi hơn để học tập kinh nghiệm sống. Con người Việt Nam có khuynh hướng sống khép mình, giấu cái tôi cá nhân đi chứ không chủ động bộc phát cái tôi mạnh mẽ như người phương Tây. Vì vậy, người Việt Nam có tâm lí ngại nói lên suy nghĩ riêng trước đám đông, đặc biệt là người trẻ tuổi. - Thực trạng của hiện tượng : Đây là hiện tượng khá phổ biến trong trường học và xã hội của Việt Nam: học sinh của nước ta khá thụ động trong học tập, gần như chỉ tiếp thu kiến thức một chiều và ít khi đặt ra câu hỏi hay đưa ra những suy nghĩ đi ngược lại với điều được dạy. Người trẻ tuổi thường bị nhìn nhận là "trẻ người non dạ", "ngựa non háu đá", "trứng khôn hơn vịt" cho nên ít dám bộc lộ bản thân. - Giải pháp khắc phục hiện tượng	2,0

		+ Bộc lộ chủ kiến là một hành động tích cực, cần được khuyến khích và người trẻ cũng cần có ý thức về cách thức và thái độ khi thể hiện chủ kiến của mình: thẳng thắn, bộc trực, mạnh mẽ, biết bảo vệ ý kiến riêng nhưng không được kiêu căng, thất lễ với người khác. + Về phía những người lớn tuổi, những bậc tiền nhân và cả cộng đồng cần có cái nhìn rộng mở hơn với người trẻ, biết lắng nghe, chia sẻ và trao đổi ý kiến với họ, đồng thời đánh giá và nhìn nhận đúng mức sự đóng góp của người trẻ chứ không nên có thái độ "dòm ngó, tẩy chay, cười mỉa" làm ảnh hưởng đến tinh thần và tâm lí của thế hệ trẻ; + Cần động viên và khuyến khích thế hệ trẻ biết sống chủ động, sống sáng tạo và bộc lộ mình hơn để góp phần thay đổi cuộc sống theo hướng tích cực. **- Dẫn chứng:** Các chương trình truyền hình *Điều con muốn nói* phát sóng trên VTV9 hay chương trình *Cha mẹ thay đổi, Thầy cô thay đổi* được ra đời phải chăng cũng bởi xuất phát từ thực tế *" ... ở Việt Nam, người ta rất khó chấp nhận chuyện người nhỏ hơn mình "sửa sai" hay tranh luận thẳng thắn với người lớn."* để những mong thế hệ trẻ được lên tiếng, được bày tỏ quan điểm và được người lớn lắng nghe, thấu hiểu. *** Luận điểm 3. Mở rộng vấn đề:** - Cần phân biệt sự quyết đoán cần thiết trong việc bày tỏ những quan điểm, ý kiến của cá nhân theo hướng tích cực với thái độ "coi mình là nhất", muốn khẳng định bản thân quá mức, tự cao, tự đại. - Phê phán thói quen kì thị của một số người lớn tuổi trước chính kiến của những người trẻ tuổi hơn song cũng không đồng tình với thái độ tự cao quá mức của các bạn trẻ khi tranh luận. - Người trẻ cần nâng cao trình độ, suy nghĩ thấu đáo, sẵn sàng dám bộc lộ chủ kiến của mình đồng thời cần có thái độ lễ phép, trân trọng tiếp thu hợp lý ý kiến người lớn tuổi, người đi trước; mạnh dạn trao đổi, khéo léo thuyết phục khi đưa ra chủ kiến hay tranh luận. ***** Khẳng định lại vấn đề Đặng Anh đặt ra là vấn đề đáng suy nghĩ và có ý nghĩa không chỉ với giới trẻ mà còn với cả cộng đồng.	
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được đầy đủ các luận điểm để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. - Biết lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, biết lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp để phân tích làm sáng tỏ luận điểm. ***Lưu ý:*** - Học sinh có thể trình bày bài viết theo các cách khác nhau nhưng phải khoa học, logic, phù hợp với vấn đề nghị luận.	0,5
		đ. Diễn đạt	0,25

		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			**10.0**

.....Hết.....